

Bản án số: 850/2022/DS-PT
Ngày: 30/12/2022
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Anh Minh

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thị Như Hà

Bà Lê Thị Mỹ Nhung

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích Lương, Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24/11/2022, 20/12/2022, 27/12/2022 và ngày 30/12/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 285/2022/DSPT ngày 05 tháng 10 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"; Do Bản án dân sự sơ thẩm số 276/2022/DS-ST ngày 12/7/2022 của Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 5229/2022/QĐ-PT ngày 14/10/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 14122/2022/QĐ-PT ngày 31/10/2022 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 15654/2022/QĐPT-DS ngày 24/11/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Tường T.M, sinh năm: 1998; Địa chỉ: 16/1A Đ.V.N, Phường U, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lê Văn T1; Địa chỉ liên lạc: 16/1A Đ.V.N, Phường U, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (Hợp đồng ủy quyền số công chứng: 0001387, quyền số 03, lập ngày 20 tháng 3 năm 2021 tại VPCC C.T.C) - Có mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH MTV S.P.L; Địa chỉ: 13A N.T.B, phường K, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông Nguyễn Đức H - Chức danh: Giám đốc; Địa chỉ: 13A N.T.B, phường K, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn: Ông Trần C; Địa chỉ: 205/5 T.V.Đ, Phường Q, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy uỷ quyền lập ngày 02/4/2021 và Giấy uỷ quyền số công chứng: 0009952, quyền số 4, lập ngày 26 tháng 4 năm 2021 tại Văn phòng công chứng R) - Có mặt.

- Người làm chứng:

1. Ông Nguyễn Hữu P, sinh năm 1966; Địa chỉ: 116/28 đường L1, Khu phố 3B, phường T.L, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh – Có đơn xin vắng mặt.

2. Ông Nguyễn X.T, sinh năm 1951; Địa chỉ: đường TTN22, K.P.4, phường S, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh – Có đơn xin vắng mặt.

- Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Nguyễn Tường T.M kháng cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 12 năm 2020 và quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Tường T.M là nguyên đơn và ông Lê Văn T1 là người đại diện theo uỷ quyền trình bày:

Bà Nguyễn Tường T.M và ông Nguyễn Đức H - Giám đốc, đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH MTV S.P.L (Gọi tắt là Công ty S.P.L) không có mối quan hệ gì. Trước khi cha bà M là ông Nguyễn Văn T2 chết (chết ngày 21/01/2020) bà M chưa bao giờ gặp riêng ông H mà chỉ biết ông H qua những lần đi chung với cha bà. Do ít gặp nên bà cũng không nhớ gặp ông H bao nhiêu lần. Bà M cũng không biết mối quan hệ giữa ông T2 và ông H là như thế nào. Trước đó, cha của bà M là ông Nguyễn Văn T2 có nói với bà là cho Công ty S.P.L vay 02 tỷ đồng để tăng vốn kinh doanh. Lúc đó bà M có 02 tỷ đồng là tiền của cá nhân đang để ở nhà nên bà đồng ý. Thời gian này bà M còn đang đi học đại học, nguồn tiền cho Công ty S.P.L vay là do bà tích lũy và làm thêm bán thời gian mà có. Do tin tưởng cha nên bà M không hỏi kỹ về Công ty S.P.L. Vào ngày 01/01/2020, bà M không nhớ rõ vào buổi nào thì ông Nguyễn Đức H đến nhà bà tại địa chỉ 16/1A Đ.V.N, Phường U, Quận A, TP. Hồ Chí Minh. Lúc đến nơi hai bên thỏa thuận nội dung, ông H cung cấp thông tin và bà M dùng máy tính của nhà bà soạn: “Bản thoả thuận và cam kết về việc mượn vốn kinh doanh cầm đồ” đề ngày 01/01/2020, nội dung là bà cho Công ty TNHH MTV S.P.L vay 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng) để kinh doanh cầm đồ, thoả thuận chia lãi cho bà M hàng tháng là 46.000.000 đồng, bà M muốn đòi lại phải báo trước 03 tháng.

Sau khi đánh máy xong thì bà M in ra 02 bản và bà giao cho ông H số tiền 02 tỷ đồng gồm hai loại mệnh giá 200.000 đồng và 500.000 đồng ngay tại nhà bà có mặt bà M, ông H và cha bà là ông T2 chứng kiến. Khi giao nhận tiền xong thì ông H và bà M cùng ký tên vào 02 “Bản thoả thuận và cam kết về việc mượn vốn kinh doanh cầm đồ”. Ông H còn ghi “Đã nhận đủ 2 tỷ”, còn bà M ghi “Đã giao đủ cho bên A 2 tỷ”. Ngoài ra, hai bên không có viết hay có hành động gì thêm, mỗi bên giữ một bản và ông H ra về. Cuối tháng 01/2020 thì ông T2 chết, còn Công ty S.P.L do ông H đại diện không trả lãi theo thoả thuận nên bà M đã gọi điện thoại hỏi thì ông H trả lời không có việc vay tiền. Sau đó bà M gửi thông báo yêu cầu trả nợ thì ông H có gửi bằng đường bưu điện cho bà bức thư nói không có việc vay nợ. Vì vậy, bà M khởi kiện yêu cầu Công ty S.P.L do ông Nguyễn Đức H đại diện theo pháp luật trả số tiền đã vay là 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng). Yêu cầu trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật. Nguyên đơn không yêu cầu trả lãi. Số tiền cho Công ty S.P.L vay là tiền của cá nhân bà M. Bà chưa đăng ký kết hôn với ai.

Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Đức H là đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty TNHH MTV S.P.L (gọi tắt là Công ty S.P.L) và ông Trần C là đại diện theo uỷ quyền trình bày:

Ông Nguyễn Đức H - Giám đốc là đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH MTV S.P.L (gọi tắt là Công ty S.P.L) và ông Nguyễn Văn T2 (cha của bà Nguyễn Tường T.M) là chỗ làm ăn nên quen biết nhau chứ ông H không biết bà M. Tại thời điểm năm 2020, gia đình ông T2 rất khó khăn nên ông H đã nhiều lần cho ông T2 vay tiền làm ăn.

Việc bà M trình bày ngày 01/01/2020 ông H đến nhà bà M tại địa chỉ 16/1A Đ.V.N, Phường U, Quận A, TP. Hồ Chí Minh để vay số tiền 02 tỷ đồng là hoàn toàn sai sự thật. Vì từ trước khi ông T2 chết (21/01/2020) thì khoảng một năm rưỡi ông H đã không đến nhà ông T2 tại địa chỉ 16/1A Đ.V.N, Phường U, Quận A, TP. Hồ Chí Minh. Mọi công việc gặp nhau thường do ông T2 đến nhà ông H. Ông H thừa nhận ông có nhận được thông báo đề ngày 17/02/2020 của bà Nguyễn Tường T.M về việc đòi số tiền 02 tỷ đồng và ông đã có thư phản hồi đề ngày 20/02/2020 cho bà M.

Về nguồn gốc của giấy vay tiền trên là vào sáng ngày 02/01/2020 (không phải ngày 01/01/2020) ông T2 đến nhà ông H cũng là trụ sở Công ty S.P.L tại địa chỉ 13A N.T.B, phường K, Quận X, TP. Hồ Chí Minh, ông T2 có đưa ra tờ giấy A4 được đánh máy sẵn ghi “Bản thoả thuận và cam kết về việc mượn vốn kinh doanh cầm đồ” đề ngày 01/01/2020. Nội dung tờ giấy trên thì giống như nguyên đơn trình bày. Trước đó từ lâu, ông T2 có nói với ông H về việc muốn cho con là Nguyễn Tường T.M đi du học và phải chứng minh tài

chính. Vì vậy mà ngày 02/01/2020 ông T2 đến nhờ ông H ký nhận biên bản trên để làm chứng minh tài chính cho My đi du học nên ông H đã đồng ý và ký vào “Bản thoả thuận và cam kết về việc mượn vốn kinh doanh cầm đồ” nêu trên. Sau khi ông H ký tên vào “Bản thoả thuận và cam kết về việc mượn vốn kinh doanh cầm đồ” thì ông T2 tự động lấy dấu của Công ty S.P.L lúc đó đang để trên bàn đóng vào góc trên bên trái giấy này. Tại thời điểm ký có ông Nguyễn X.T và ông Nguyễn Hữu P là bạn của ông đang có mặt ở đó và chứng kiến. Thấy vậy, ông Tường và ông P nói với ông H là ký như vậy sẽ bất lợi cho ông H nên ông T2 nói để ông làm bản cam kết việc vay nợ này là không có thật. Vì thế, ông T2 đã ra ngoài đánh máy “Bản cam kết” đề ngày 02/01/2020 về việc ông T2 cam kết chỉ nhờ ông H đứng tên giùm trên “Bản thoả thuận và cam kết về việc mượn vốn kinh doanh cầm đồ” đề ngày 01/01/2020 để làm thủ tục giấy tờ chứ không có sự vay mượn tiền. Sau đó ông T2 ký tên trên bản cam kết này và có cả ông Nguyễn X.T và ông Nguyễn Hữu P ký tên làm chứng.

Ông Nguyễn Đức H xác định ông có ký tên và viết chữ “Đã nhận đủ 2 tỷ” vào “Bản thoả thuận và cam kết về việc mượn vốn kinh doanh cầm đồ” đề ngày 01/01/2020 nhưng ông H khẳng định ông đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH MTV S.P.L không nhận tiền của bà M nên không đồng ý trả cho bà M số tiền 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng) như trong đơn khởi kiện.

Người làm chứng là ông Nguyễn Hữu P trình bày:

Ông là chỗ bạn bè với ông Nguyễn Đức H, không quen biết ông Nguyễn Văn T2. Vào khoảng gần trưa ngày 01 hay ngày 02/01/2020 (ông không nhớ chính xác ngày) ông đến nhà ông H tại địa chỉ 13A N.T.B, phường K, Quận X, TP. Hồ Chí Minh thì thấy có ông Nguyễn Văn T2 và ông Nguyễn X.T đang ở đó.

Khi các bên đang nói chuyện, ông T2 có đưa cho ông H “Bản thoả thuận và cam kết” đề ngày 01/01/2020 nói ông H ký vào. Sau khi ông H ký thì ông T2 tự lấy dấu của Công ty S.P.L đóng vào bản thoả thuận. Ông hỏi ông H việc gì mà quan trọng vậy thì ông T2 trả lời là đóng dấu vào cho hoành tráng. Ông nói ông T2 đưa ông xem thì thấy nội dung là Công ty TNHH MTV S.P.L mượn của Nguyễn Tường T.M số tiền 02 tỷ đồng, đã có đủ chữ ký và đề tên của Nguyễn Tường T.M và chữ “đã nhận đủ 2 tỷ” cùng chữ ký của ông Nguyễn Đức H. Lúc đó My không có mặt. Ông H có nói với ông là chỉ ký giùm ông T2 để chứng minh thu nhập cho con đi du học. Lúc đó ông không thấy hai bên giao dịch tiền bạc. Vì cũng từng có con đi du học phải nhờ người khác ký giùm giấy tờ để chứng minh tài chính nên ông biết việc này. Vì vậy ông nói với ông H như vậy là không ổn, anh em thì anh em nhưng như thế này là tình ngay lý gian nên mới nói Huy là phải làm thêm giấy phụ xác nhận

bản thỏa thuận và cam kết này chỉ mang tính hình thức, chứ không có giao dịch về tiền bạc để tránh rắc rối về sau. Sau đó ông H có nói với ông T2 là anh làm cho em bản cam kết không có việc vay nợ tiền bạc mà chỉ là thủ tục giấy tờ. Ông T2 đồng ý và đi ra ngoài, một lúc sau ông T2 trở vào cầm theo 02 Bản cam kết đề ngày 02/01/2020. Ông đã đọc bản cam kết có nội dung đúng như bản cam kết ông H nộp cho Tòa án. Sau đó ông T2 ký tên vào chỗ người cam kết, ông và ông Nguyễn X.T ký tên vào chỗ người làm chứng. Còn việc trước đó giữa bà M và ông H có giao dịch tiền bạc hay không thì ông không biết.

Trong “Bản cam kết” đề ngày 02/01/2020 có ghi nội dung cam kết “Tôi chỉ nhờ ông Nguyễn Đức H ký bản cam kết này trên danh nghĩa thủ tục giấy tờ (không giao dịch tiền bạc) là nói đến “Bản thỏa thuận và cam kết về việc mượn vốn kinh doanh cầm đồ” đề ngày 01/01/2020 đã được ghi ở phía trên của “Bản cam kết” đề ngày 02/01/2020.

Người làm chứng là ông Nguyễn X.T trình bày:

Ông là chỗ bạn bè quen biết với cả ông Nguyễn Đức H và ông Nguyễn Văn T2 (là cha của Nguyễn Tường T.M). Vào ngày 01 hay ngày 02/01/2020 (ông không nhớ chính xác ngày) ông đang ở nhà ông H tại địa chỉ 13A N.T.B, phường K, Quận X, TP. Hồ Chí Minh thì khoảng 30 phút sau ông Nguyễn Văn T2 tới, anh em hỏi thăm sức khỏe, công việc của nhau. Khoảng 30 phút sau nữa thì anh Nguyễn Hữu P cũng tới.

Sau khi nói chuyện giao lưu xong, ông T2 có đưa cho ông H “Bản thỏa thuận và cam kết” nói ông H ký vào. Lúc đó ông có hỏi ông T2 là ký cái gì thì ông T2 nói là ký để làm cho con đi du học. Ông có xem qua bản cam kết thấy có nội dung Công ty TNHH MTV S.P.L mượn của Nguyễn Tường T.M số tiền 02 tỷ đồng, đã có sẵn chữ ký và đề tên của Nguyễn Tường T.M, còn nội dung cam kết ông không xem. Lúc đó M không có mặt. Ông T2 nói nhờ ông H ký để cho con có thu nhập đi du học. Ông hỏi ông H có giao dịch tiền bạc gì không thì ông H trả lời chỉ ký giùm thôi chứ không có giao dịch. Sau đó thì ông H ký vào tên của bên A. Do ông quen biết cả ông T2 và ông H nên cũng không hỏi kỹ về việc ký bản thỏa thuận và cam kết này. Sau khi ông H ký thì ông T2 lấy dấu của Công ty S.P.L đang để trên bàn tự đóng vào “Bản thỏa thuận và cam kết”. Lúc đó ông P có nói là nếu chỉ để làm thủ tục, không có giao dịch tiền bạc thì viết thế này là còn thiếu. Ông cũng nói thêm là phải làm bản cam kết việc ký giấy này chỉ để làm thủ tục hành chính, không có liên quan đến tiền bạc. Lúc này ông T2 chỉ cười và đi ra ngoài, một lúc sau ông T2 trở vào cầm theo 02 Bản cam kết đề ngày 02/01/2020. Ông đã đọc bản cam kết có nội dung đúng như bản cam kết ông H nộp cho Tòa án. Sau đó ông T2 ký tên vào chỗ người cam kết, ông và ông Nguyễn Hữu P ký tên vào chỗ

người làm chứng. Còn việc trước đó giữa bà M và ông H có giao dịch tiền bạc hay không thì ông không biết.

Trong “Bản cam kết” đề ngày 02/01/2020 có ghi nội dung cam kết “Tôi chỉ nhờ ông Nguyễn Đức H ký bản cam kết này trên danh nghĩa thủ tục giấy tờ (không giao dịch tiền bạc) là nói đến “Bản thoả thuận và cam kết về việc mượn vốn kinh doanh cầm đồ” đề ngày 01/01/2020 mà đã ghi ở phía trên của “Bản cam kết” đề ngày 02/01/2020.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 276/2022/DS-ST ngày 12/7/2022 của Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Tường T.M về việc buộc Công ty TNHH MTV S.P.L phải trả số tiền 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng) theo “Bản thoả thuận và cam kết về việc mượn vốn kinh doanh cầm đồ” đề ngày 01 tháng 01 năm 2020.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 18/7/2022, ông Lê Văn T1 đại diện theo ủy quyền nguyên đơn bà Nguyễn Tường T.M có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, lý do kháng cáo: Đại diện nguyên đơn cho rằng cấp sơ thẩm không căn cứ vào chứng cứ của nguyên đơn cung cấp, không đánh giá đầy đủ và toàn diện chứng cứ nên dẫn đến việc xét xử không khách quan, đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện bị đơn không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, yêu cầu cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các bên đương sự không nộp thêm chứng cứ mới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa phúc thẩm có ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến diễn biến phiên tòa phúc thẩm, các đương sự được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 276/2022/DSST ngày 12/7/2022 của Tòa án nhân dân Quận X theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty

TNHH MTV S.P.L phải trả số tiền 2.000.000.000 đồng cho nguyên đơn theo “Bản thỏa thuận và cam kết về việc mượn vốn kinh doanh cầm đồ” đề ngày 01/01/2020.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Lê Văn T1 nộp đơn kháng cáo đúng thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên đơn kháng cáo được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm người làm chứng là ông Nguyễn Hữu P và ông Nguyễn X.T có đơn xin vắng mặt, xét thấy ông P và ông T đã có lời khai đầy đủ trong hồ sơ nên việc vắng mặt của người làm chứng không ảnh hưởng đến việc xét xử, do đó căn cứ Điều 294 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về nội dung:

Xét kháng cáo của nguyên đơn cho rằng cấp sơ thẩm chưa đánh giá đầy đủ và toàn diện chứng cứ của vụ án, đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Nguyên đơn bà Nguyễn Tường T.M khởi kiện yêu cầu Công ty S.P.L do ông Nguyễn Đức H đại diện theo pháp luật trả số tiền đã vay là 02 tỷ đồng theo “Bản thỏa thuận và cam kết về việc mượn vốn kinh doanh cầm đồ” ngày 01/01/2020 được ký giữa bà M và ông H. Phía bị đơn không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà M và cho rằng nguồn gốc của giấy vay tiền trên là do ông Nguyễn Văn T2 (cha của bà M đã chết 21/01/2020) nhờ ông H ký nhận có vay tiền để làm chứng minh tài chính cho con gái là bà M đi du học, việc nhờ ký này thể hiện tại “Bản cam kết” đề ngày 02/01/2020 nội dung ghi nhận việc ông T2 cam kết chỉ nhờ ông H đứng tên giùm trên “Bản thỏa thuận và cam kết về việc mượn vốn kinh doanh cầm đồ” đề ngày 01/01/2020 để làm thủ tục giấy tờ chứ không có việc vay mượn tiền, lúc ký bản thỏa thuận vay và bản cam kết có ông Nguyễn X.T và ông Nguyễn Hữu P là bạn của ông đang có mặt ở đó, chứng kiến và ký tên làm chứng.

Xét: “Bản thoả thuận và cam kết về việc mượn vốn kinh doanh cầm đồ” đề ngày 01/01/2020 các đương sự xác nhận có việc ký kết do đó sự việc ký kết văn bản này là có thật, tuy nhiên căn cứ vào “Bản cam kết” đề ngày 02/01/2020 do cha của bà M là ông Nguyễn Văn T2 ký, có ông Nguyễn X.T và ông Nguyễn Hữu P ký làm chứng nội dung thể hiện ông T2 nhờ ông H ký “Bản thoả thuận và cam kết về việc mượn vốn kinh doanh cầm đồ” ngày 01/01/2020 để làm thủ tục giấy tờ cho bà M đi du học, bà M xác nhận chữ ký trong bản cam kết này là của cha bà (Biên bản đối chất ngày 20/5/2021 bút lục 71-73). Trên cơ sở Bản cam kết ngày 02/01/2020 và lời khai làm chứng của ông P (bút lục 76), ông Tường (bút lục 75) thể hiện có việc ngày 01/01/2020 ông T2 có nhờ ông H ký giấy vay tiền là “Bản thoả thuận và cam kết về việc mượn vốn kinh doanh cầm đồ” ngày 01/01/2020, do đó có cơ sở xác định “Bản thoả thuận và cam kết về việc mượn vốn kinh doanh cầm đồ” đề ngày 01/01/2020 và “Bản cam kết” đề ngày 02/01/2020 là có liên quan với nhau. Lời khai của bị đơn hoàn toàn phù hợp với chứng cứ là Bản cam kết ngày 02/01/2020 và lời khai người làm chứng ông P, ông T nên có cơ sở xác định không có sự việc giao tiền giữa bà M cho Công ty S.P.L như bản thoả thuận cam kết ngày 01/01/2020.

Tại cấp sơ thẩm Tòa án có yêu cầu bà M cung cấp chứng cứ chứng minh số tiền 2.000.000.000 đồng cho vay, tuy nhiên phía nguyên đơn không cung cấp, đại diện nguyên đơn trình bày số tiền cho vay là tiền do bà M làm thêm tích lũy trong thời gian đi học nên không có chứng từ chứng minh. Xét thấy việc yêu cầu nguyên đơn chứng minh nguồn tiền cho vay là cần thiết vì phía bị đơn có đưa ra chứng cứ cho rằng không có việc giao dịch tiền nhưng nguyên đơn không đã không cung cấp được chứng cứ thể hiện quá trình thỏa thuận vay tiền và giao tiền.

Do đó không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả số tiền 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng). Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở.

Từ những nhận định trên, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, thu thập, đánh giá đúng và đầy đủ tài liệu, chứng cứ đối với vụ án; Bản án dân sự sơ thẩm số 276/2022/DS-ST ngày 12/7/2022 của Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng pháp luật; Nội dung kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm của nguyên đơn là không có căn cứ, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận và giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[3] Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị sửa án nhưng không được chấp nhận như đã phân tích trên.

[4] Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;
- Căn cứ vào các Điều 385, Điều 401, Điều 463 và Điều 465 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Tường T.M; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 276/2022/DS-ST ngày 12/7/2022 của Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Tường T.M về việc buộc Công ty TNHH MTV S.P.L phải trả số tiền 2.000.000.000đ (Hai tỷ đồng) theo “Bản thoả thuận và cam kết về việc mượn vốn kinh doanh cầm đồ” đề ngày 01 tháng 01 năm 2020.

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm là 72.000.000đ (Bảy mươi hai triệu đồng) do bà Nguyễn Tường T.M chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà đã nộp là 36.000.000 đồng (Ba mươi sáu triệu đồng) theo Biên lai thu số 0106034 ngày 29 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Tường T.M còn phải nộp thêm 36.000.000đ (Ba mươi sáu triệu đồng).

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Tường T.M chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), căn trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo theo Biên lai số AA/2021/0023779 ngày 25/7/2022 của Cục Thi hành án dân sự Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại Tp.Hồ Chí Minh;
- VKSND Cấp cao tại Tp.Hồ Chí Minh;
- VKSND Tp.Hồ Chí Minh;
- Cục THADS Tp.Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS Quận X, Tp.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (20).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Anh Minh